

ĐẠI SƯ THẬT HIỀN

KHUYÊN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM VĂN

Đại Sư Thật Hiền Soạn

Việt dịch: Hòa Thượng Thích Trí Quang

BÀI VĂN KHUYÊN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

ĐẠI SU' THẬT HIỀN SOẠN

Thật Hiền tôi, một kẻ xuất gia phàm phu, đã bắt tiếu lại ngu hèn, khóc mà lạy, khẩn thiết khuyến cáo đại chúng hiện tiền, cũng như nam nữ có đức tin thuần thành trong thì vị lai. Xin quý vị thương xót, gia tâm một chút mà nghe và xét cho.

Tôi từng nghe, cửa chính yếu để nhập đạo thì sự phát tâm đứng đầu, việc khẩn cấp để tu hành thì sự lập nguyện đứng trước. Nguyện lập thì chúng sanh độ nổi, tâm phát thì Phật đạo thành được. Cái tâm quảng đại không phát, cái nguyện kiên cố chẳng lập, thì dầu trải qua đời kiếp nhiều như cát bụi, cũng y nhiên vẫn ở trong phạm vi luân hồi. Tu hành dầu có, cũng toàn là lao nhọc, khổ sở một cách vô ích. Do đó mà Kinh Hoa Nghiêm đã nói, quên mất tâm Bồ Đề mà tu hành các thiện pháp thì gọi là hành động theo ma vương. Quên mất còn thế, hướng chi chưa phát. Nên muốn học Như Lai Thừa thì trước phải phát Bồ Đề nguyện, không thể chậm trễ.

Nhưng tâm nguyện vốn có nhiều sắc thái khác nhau, nếu không trình bày thì làm sao biết mà xu hướng.

Nay xin vì đại chúng mà nói vắn tắt. Sắc thái tâm nguyện có tám là tà chánh, chân ngụy, đại tiểu, thiên viên.

Tà chánh, chân ngụy, đại tiểu, thiên viên là thế nào? Đòi có kể tu hành mà chỉ tu hành một chiều, không cứu xét tự tâm, chỉ lo những việc ở ngoài, hoặc vụ lợi, hoặc háo danh, hoặc ham cái thú hiện tại, hoặc cầu cái vui mai sau: phát tâm như vậy gọi là tà.

Danh lợi không ham, vui thú không màng, chỉ vì thoát sinh tử, vì chúng Bồ Đề: phát tâm như vậy gọi là chánh.

Ý niệm này nối tiếp ý niệm khác, ngược lên mà mong cầu Phật đạo, tư tưởng trước liên tục tư tưởng sau, nhìn xuống mà hóa độ chúng sanh, nghe Phật đạo lâu xa cũng không thoái chí khiếp sợ, xét chúng sanh khó độ mà không chán nản mệt mỏi, như trèo núi cao cả vạn trượng cũng quyết tận đỉnh, như lên tháp lớn đến chín tầng cũng cố tốt nóc: phát tâm như vậy gọi là chân.

Có tội không sám hối, có lỗi không trừ bỏ, trong bản ngoài sạch, trước siêng sau nhác, tâm tốt dẫu có cũng phần lớn bị danh lợi xen lẫn, thiện pháp dẫu tu cũng phần nhiều bị vọng nghiệp nhuốm bẩn: phát tâm như vậy gọi là ngụy.

Chúng sanh giới hết nguyện ta mới hết, Bồ Đề đạo thành nguyện ta mới thành: phát tâm như vậy gọi là đại.

Coi ba cõi như lao ngục, nhìn sanh tử như oan gia, chỉ mong tự độ, không dám độ người: phát tâm như vậy gọi là tiểu.

Nếu ngoài tâm thấy có chúng sanh, có Phật đạo, rồi nguyện độ, nguyện thành, công phu không xả, thấy biết không tan: phát tâm như vậy gọi là thiên.

Nếu biết tự tánh là chúng sanh nên nguyện độ thoát, tự tánh là Phật đạo nên nguyện thành tựu, không thấy một pháp nào ngoài tâm mà có, đem cái tâm vô tướng phát cái nguyện vô tướng, làm cái hạnh vô tướng, chứng cái quả vô tướng, cái tướng vô tướng cũng không thấy có được: phát tâm như vậy gọi là viên.

Biết tám sắc thái khác nhau trên đây là biết cứu xét, biết cứu xét thì biết lấy bỏ, biết lấy bỏ là có thể phát tâm. Cứu xét như thế nào? Là coi cái tâm của ta phát ra, trong tám sắc thái trên đây, nó là tà hay chánh, chân hay ngụy, đại hay tiểu, thiên hay viên.

Lấy bỏ như thế nào? Là bỏ tà, ngụy, tiểu, thiên, lấy chánh, chân, đại, viên. Phát tâm như vậy mới được gọi là chân chánh phát Bồ Đề tâm.

Bồ Đề tâm là chứa tể mọi thứ thiện pháp, phát khởi tất phải có lý do. Lý do ấy, nay nói tóm lược thì có mười thứ, là

- 1. Nhớ ơn nặng của Phật.**
- 2. Nhớ ơn cha mẹ.**
- 3. Nhớ ơn Sư Trưởng.**
- 4. Nhớ ơn thí chủ.**

5. Nhớ ơn chúng sanh.

6. Nhớ khổ sanh tử.

7. Trọng linh tánh của mình.

8. Sám hối nghiệp chướng.

9. Cầu sanh Tịnh Độ.

10. Làm cho Phật pháp tồn tại lâu dài.

1. NHỚ ƠN NẶNG CỦA PHẬT LÀ THẾ NÀO?

Thích Ca Như Lai của ta, lúc mới phát tâm, đã vì ta mà thực hành Bồ Tát đạo, trải qua vô lượng kiếp chịu đủ khổ cực. Khi ta tạo tội, Phật đã xót thương, phương tiện giáo hóa, mà ta ngu si, không biết tin tưởng, tiếp nhận. Ta đọa địa ngục, Phật càng đau xót, muốn chịu thay khổ sở cho ta, nhưng nghiệp ta quá nặng, hết cách cứu vớt. Ta sinh loài người, Phật liền dùng phương tiện làm cho ta gieo trồng thiện căn. Đời đời kiếp kiếp, Phật theo dõi ta, lòng không lúc nào rời bỏ chốc lát. Khi Phật xuất thế thì ta còn chìm đắm, nay được thân người thì Phật đã diệt độ. Tội lỗi gì mà phải sinh nhằm thời kỳ mạt pháp, phước đức nào lại được dự vào hàng ngũ xuất gia, nghiệp chướng gì mà không được thấy thân vàng của Phật, may mắn nào lại được thân gặp Xá Lợi của Ngài. Suy nghĩ như vậy mới thấy, giả sử quá khứ không trồng thiện căn thì làm sao được nghe Phật pháp, không nghe Phật pháp thì làm sao được biết lúc nào cũng hưởng thụ ân đức của Phật. Ân đức như vậy, núi non cũng khó sánh cho

bằng. Trừ phi phát tâm quảng đại, làm hạnh Bồ Tát, xây dựng Phật pháp, giáo hóa chúng sanh, thì dầu xương tan thịt nát cũng khó mà đáp trả.

Đó là lý do thứ nhất của sự phát Bồ Đề tâm.

2. NHỚ ƠN CHA MẸ LÀ THẾ NÀO?

Thương thay cha mẹ sinh ta cực nhọc, mười tháng ba năm thai mang bú mớm, nhường khô nằm ướt, nuốt đắng nhả ngọt. Mới được thành người, đã đặt hy vọng tiếp nối gia phong, lo phần tế tự. Vậy mà nay ta đã xuất gia, lạm xưng Thích Tử, nhục hiệu Sa Môn, đồ ngon vật ngọt đã không cung phụng, cúng tế chạp dầy càng không chu tất. Sống, ta đã không có khả năng nuôi dưỡng cơ thể, chết, ta lại bất lực trong việc tiếp dẫn nghiệp thức. Phương diện thế gian ta đã rất hại, phương tiện xuất thế ta lại vô ích. Hai đường mất cả thì tội nặng khó mà thoát cho khỏi. Suy nghĩ như thế mới thấy chỉ còn có cách thường hành Phật đạo trong trăm ngàn đời kiếp, khắp độ chúng sanh trong mười phương ba đời. Như vậy thì không phải chỉ cha mẹ một đời, mà song thân nhiều kiếp đều được siêu thoát; Không phải chỉ song thân một người, mà cha mẹ tất cả cùng được siêu thăng.

Đó là lý do thứ hai của sự phát Bồ Đề tâm.

3. NHỚ ƠN SƯ TRƯỞNG LÀ THẾ NÀO?

Cha mẹ tuy sinh dưỡng thân ta, nhưng nếu không có Sư Trưởng thế gian thì không biết lễ nghĩa, không có Sư Trưởng xuất thế thì không hiểu Phật pháp. Lễ nghĩa không biết thì khác gì cầm thú, Phật pháp không

hiểu thì cũng như phàm tục. Nay ta được biết qua loa về lễ nghĩa, được hiểu sơ lược về Phật pháp, giới pháp thấm mình, ca sa phủ thân, hết thấy ân đức ấy đều nhờ Sư Trưởng mà có được. Vậy nếu ta chỉ cầu quả vị nhỏ nhặt thì chỉ ích lợi được cho bản thân mà thôi. Hãy theo Đại Thừa, nguyện ước ích lợi hết thấy chúng sanh. Như thế thì Sư Trưởng thế gian cũng như Sư Trưởng xuất thế đều được ích lợi mà ta cung hiến.

Đó là lý do thứ ba của sự phát Bồ Đề tâm.

4. NHỚ ƠN THÍ CHỦ LÀ THẾ NÀO?

Chúng ta ngày nay, mọi thứ nhu yếu đâu phải của mình. Cơm cháo ba buổi, quần áo bốn mùa, tật bệnh cần dùng, thân miệng tiêu thụ, toàn xuất từ sức lực kẻ khác mà đem đến cho ta hưởng dụng. Họ dốc sức cày cấy, vẫn khó nuôi miệng, ta ngồi không mà ăn, còn không vừa ý. Họ dệt đàn mã hoai mà vẫn chịu khốn khổ, còn ta bận mặc thừa thải mà không biết thương tiếc. Họ nhà tranh cửa lá, cực nhọc suốt đời, còn ta phòng lớn sân rộng, thông thả cả năm. Đem cái cực nhọc của họ cung phụng cái an nhàn cho ta, làm sao yên bụng. Lấy cái nhu dụng của người cung cấp cái thân xác của mình, làm sao hợp lẽ. Do đó, trừ phi vận dụng song song cả hai thứ bi trí, trang nghiêm đồng đều cả hai mặt phước tuệ, để thí chủ nhờ ơn, chúng sanh được phước, thì dầu gạo chỉ một hạt, vải chỉ một tấc đi nữa, vẫn có phần trong sự trả nợ, vẫn khó tránh trong quả báo xấu.

Đó là lý do thứ tư của sự phát Bồ Đề tâm.

5. NHỚ ƠN CHÚNG SANH LÀ THẾ NÀO?

Ta với chúng sanh, từ bao kiếp đến giờ, đòi đòi làm cha mẹ nhau, có ơn với nhau. Nay tuy cách đời mờ ám, không biết nhau được, nhưng lấy lẽ mà suy cứu thì làm sao có thể không có sự báo bổ. Ngày nay là thú vật, nhưng biết đâu ngày trước ta đã không là con cái của chúng. Hiện tại là vi sinh, nhưng biết đâu quá khứ chúng đã không là cha mẹ của ta. Thường thấy nhỏ mà xa cha mẹ thì lớn lên đã quên hết hình dáng song thân, hưởng chi cha mẹ bà con đời trước, thì ngày nay kẻ họ Trương người họ Vương, khó mà nhớ nhau cho được. Họ gào thét trong địa ngục, ngất ngư trong nạ quỷ, thống khổ ai biết, đói khát kêu ai. Ta dẫu không thấy không nghe, nhưng họ tắt cầu cứu cầu vớt. Kinh mới dạy được việc ấy, Phật mới tả rõ cảnh này, còn kẻ tà kiến thì đâu có đủ sức mà biết. Nên Bồ Tát nhìn sâu kiến cũng thấy toàn là cha mẹ quá khứ và chư Phật vị lai, thường nghĩ cách lợi ích cho chúng và thường nhớ trả ơn cho chúng.

Đó là lý do thứ năm của sự phát Bồ Đề tâm.

6. NHỚ KHỔ SINH TỬ LÀ THẾ NÀO?

Ta với chúng sanh, bao kiếp đến giờ, ở mãi trong phạm vi sinh tử, chưa được siêu thoát. Không ở trong loài người thì ở trên loài trời, hết ở thế giới này thì ở thế giới khác, ra vào đủ cách, lên xuống liên liên. Thoáng cái làm trời, thoáng cái làm người, thoáng cái làm địa ngục, nạ quỷ, súc sanh. Cửa đen sáng ra chiều vào, hang sắt mới thoát lại sa. Lên núi đao thì cả mình không còn mảnh da nguyên vẹn, víu cây kiếm thì một vuông một tấc cũng bị cắt xả. Sắt nóng không hết đói, mà nuốt vào thì ruột gan nát cả, đồng sôi đâu khỏi khát, mà uống vào thì xương thịt

tan hết. Cưa sắt mà xả thì xả ra là liền lại, gió quái mà thổi thì chết rồi lại sống ngay. Trong thành lửa dữ chỉ nghe cái thảm thét gào, trên bàn chung nướng toàn nghe cái tiếng thống thiết. Băng tuyết đông lại thì xanh như sen xanh hết nhụy, máu thịt rã ra thì đỏ như sen đỏ mới nở. Tại địa ngục, một đêm chết sống thường bị đến cả vạn lần, cũng ở đó, một buổi thống khổ mà nhân gian đã trăm năm. Mãi hoài làm cho ngục tốt mệt nhọc, nhưng có ai chịu nghe Diêm Vương khuyên bảo. Khi chịu mới biết quá khổ, dầu hỏi hận cũng đâu có kịp; lúc thoát thì lại quên ngay, sự tạo nghiệp vẫn y như cũ. Đánh con lừa đến đổ máu, đâu biết đó là cái thảm của mẹ mình. Lôi con heo đến lò thịt, nào hay đích thị cái đau của cha ta. Ăn thịt con ruột mà không biết, Văn Vương còn như thế, ăn thịt cha mẹ mà không hay, phàm phu đều như vậy. Đời trước ơn nghĩa mà đời nay thành oán thù, ngày xưa oán thù mà ngày nay thành ruột thịt. Quá khứ là mẹ mà hiện tại là vợ, tức thế là cha mà hiện tiền là chồng. Nếu có cái trí tức mạng để biết thì thật đáng hổ, đáng thẹn. Nếu có con mắt thiên nhãn để nhìn thì quả đáng cười, đáng thương. Trong rừng dơ bẩn mà mười tháng bị gói lại thì thật khó chịu, ở chỗ máu huyết mà một lần bị dốc xuống quả thật đáng thương. Nhỏ thì ngây ngô, trước mặt sau lưng cũng chẳng rõ, lớn lên hiểu biết, tham lam dục vọng đều tự hiện. Nhưng, thoáng cái là già bệnh truy tâm, chốc lát mà chết chóc hiện đến. Bấy giờ, gió với lửa giao tranh nên tâm thức bản loạn trong đó, khí với huyết kiệt lực nên da thịt teo khô từ ngoài, không một sợi lông nào mà không như bị chích đốt, không một kẽ huyết nào mà không như bị cắt xả. Con rùa đem

nấu, sự thoát vỏ của nó tương đối còn dễ, nghiệp thức lúc tàn, sự thoát xác của nó quả thật quá khó. Tâm không phải chủ thể vĩnh viễn nên in như thương khách bôn ba đủ chỗ, thân không có hình dáng cố định nên khác nào phòng ốc thay đổi đủ cách. Bụi cả thế giới cũng khó sánh thân luân hồi, nước cả đại dương vẫn không bằng lệ biệt ly. Xương mà chất thì hơn núi cao, thân mà sắp thì tràn mặt đất. Giả sử không được nghe lời Phật thì việc ấy ai thấy ai nghe, chưa được đọc văn Kinh thì lẽ này ai hay ai biết. Vậy mà có kẻ hoặc vẫn tham luyện như cũ, si mê như xưa, thì chỉ e rằng muôn kiếp ngàn đời mới được làm người, nhưng một lần hư hỏng là hư hỏng đến cả trăm kiếp. Thân thể con người khó được mà dễ mất, thì giờ quý báu dễ trôi mà khó kéo. Rồi đường hương mờ mịt, biệt ly mãi hoài, ác báo tam đồ lại phải tự chịu, thống khổ hết nói mà ai chịu thay. Mô tả đến đây, há chẳng buốt dạ. Vì vậy, hãy triệt dòng sinh tử, vượt bể ái dục, để mình người cùng thoát, cùng lên bờ giác. Hết thấy công việc phi thường trong bao đời kiếp sắp đến đều bắt nguồn từ cơ hội này.

Đó là lý do thứ sáu của sự phát Bồ Đề tâm.

7. TRỌNG LINH TÁNH CỦA MÌNH LÀ THỂ NÀO?

Nhất tâm hiện tiền của chúng ta cùng ngay với Đức Thích Ca Thế Tôn không khác. Vậy mà tại sao Thế Tôn từ vô lượng kiếp sớm thành Chánh Giác, còn chúng ta thì ngu si thác loạn, vẫn làm phàm phu. Thế Tôn thì có vô lượng thần thông tuệ giác, công đức trang nghiêm, còn chúng ta chỉ có vô biên nghiệp chướng phiền não, sinh tử thất buộc. Tâm tánh duy nhất mà mê ngộ lại một trời một vực.

Lặng đi mà nghĩ mới thấy khả sỉ. Ngọc báu vô giá lún xuống bùn lầy mà nở coi như ngói gạch, không chút quý trọng. Hãy vận dụng vô lượng thiện pháp mà đối trị vô biên phiền não. Tu đức có công, tánh đức mới lộ. Bấy giờ thì như ngọc báu được rửa, treo trên phước cao, ánh sáng rực rỡ, chói lấp tất cả. Thế mới gọi là không phụ sự giáo hóa của Phật, không phụ tánh linh thiêng của mình.

Đó là lý do thứ bảy của sự phát Bồ Đề tâm.

8. SÁM HỐI NGHIỆP CHƯỚNG LÀ THẾ NÀO?

Kinh dạy, phạm một Kiết la cũng đọa địa ngục bằng năm trăm tuổi thọ của bốn Thiên vương. Kiết la là tội nhỏ mà bị quả báo đến thế, huống chi tội nặng, quả báo thật khó tả. Nay chúng ta, hằng ngày, mỗi một cử chỉ cũng như mỗi một động tác, luôn luôn trái với giới luật, mỗi một bữa ăn cũng như mỗi một lần uống, thường thường phạm vào Thi la. Một ngày tội lỗi phạm vào, theo lẽ cũng đã vô lượng, huống chi trọn đời nhiều kiếp, tội lỗi phát ra quả báo khó mà nói hết. Hãy lấy Ngũ giới mà nói, thì mười người đã có đến chín kẻ vi phạm, bày tỏ thì ít mà dấu diếm lại nhiều. Ngũ giới chỉ là giới tại gia mà còn không giữ đủ, huống chi các giới Sa Di, Tỳ Kheo, Bồ Tát, thôi thì khỏi nói. Hỏi cái tiếng thì nói là Tỳ Kheo, hỏi cái thật thì hãy còn chưa đủ làm Ưu Bà Tắc, như thế mà không xấu hổ được sao. Phải biết, giới Phật không thọ thì thôi, thọ thì không được phạm, vì không phạm thì thôi, phạm thì chung cục tất bị sa lạc. Trừ phi cảm thương thân mình, lại xót xa kẻ khác, thân và miệng cùng bị

thiết, tiếng và lệ đều tuôn đổ, để khắp vì chúng sanh khẩn cầu sám hối, thì ngàn đời muôn kiếp ác báo cũng khó tránh cho khỏi.

Đó là lý do thứ tám của sự phát Bồ Đề tâm.

9. CẦU SINH TỊNH ĐỘ LÀ THỂ NÀO?

Tu hành cõi này thì sự tiến đạo rất khó, Vãng Sinh cõi kia thì sự thành Phật cũng dễ. Dễ nên một đời đã có thể thấu đáo, khó nên lắm kiếp vẫn chưa chắc hoàn thành. Do đó mà Thánh ngày xưa, Hiền ngày trước, ai cũng khuynh hướng. Kinh cả ngàn, Luận cả vạn, đâu cũng chỉ qui. Quả thật sự tu hành trong thời kỳ mạt pháp này, không có cách nào hơn pháp ấy. Có điều Kinh Luận đã nói, điều lành mà tính chất nhỏ thì không thể Vãng Sanh, cái phước mang tính chất lớn mới chắc chắn đến được. Cái phước mang tính chất lớn thì không chỉ bằng sự chấp trì danh hiệu, điều lành hàm tính chất to thì không chỉ bằng sự phát tâm rộng lớn. Nên nhất tâm chấp trì danh hiệu của Phật hơn cả sự bố thí đến trăm năm, nhất niệm phát tâm Bồ Đề rộng lớn vượt cả sự tu hành trong nhiều kiếp. Lý do là vì niệm Phật vốn mong làm Phật, vậy tâm lớn không phát thì có niệm cũng không làm gì, phát tâm vốn để tu hành, vậy Tịnh Độ không sanh thì có phát cũng dễ thoái chuyển. Nên gieo giống Bồ Đề, cày bằng cái cày niệm Phật, thì trái hạt tuệ giác tự nhiên lớn lên; ngồi thuyền đại nguyện, nhập vào bể cả Tịnh Độ, thì Tây Phương Cực lạc quyết định Vãng Sanh.

Đó là lý do thứ chín của sự phát Bồ Đề tâm.

10. LÀM CHO PHẬT PHÁP TỒN TẠI LÂU DÀI LÀ THẾ NÀO?

Thế Tôn của ta, từ vô lượng kiếp, vì ta mà tu đạo Bồ Đề, khó làm làm được, khó nhẫn nhẫn nổi, nhân trọn vẹn, quả đầy đủ, mới được thành Phật. Phật thành rồi, Ngài giáo hóa châu đáo, và nhập vào Niết Bàn. Nay thì thời kỳ Phật pháp nguyên chất và thời kỳ Phật pháp tương tự đã mất tất cả, còn lại chỉ là thời kỳ Phật pháp cuối cùng. Phật pháp có đó mà hành trì vô nhân, tà chánh bất phân, đúng sai hỗn tạp, tranh dành nhân ngã, cầu trục danh lợi. Mở mắt ra là thấy nhan nhản, cả thiên hạ đều như vậy. Chẳng ai biết Phật là bậc nào, Pháp là nghĩa gì, Tăng là người chi. Suy tàn đến thế, bất nhẫn nói đến. Mỗi khi nghĩ ngợi, bất giác rơi lệ. Thân làm con Phật mà ta không thể báo đáp ân đức của Ngài. Trong vô ích cho mình, ngoài vô ích cho người, sống vô ích đương thời, chết vô ích mai hậu. Trời cao cũng không che ta nổi, đất dày cũng khó chở ta được. Tội nhân cực trọng, phi ta thì ai. Vì thế mà đau đớn không thể nhẫn nổi, nhưng toan tính thì lại không thấy có cách gì khác hơn, nên quên ngay tư cách quê kệch, phát liền tâm chí rộng lớn. Như thế thì dầu không thể văn hồi mật vận ngay lúc này, nhưng quyết có thể hộ trì Phật pháp trong mai sau. Nên hợp cùng thiện hữu, qui tụ Đạo Tràng, soạn thuật sám pháp, lập pháp hội này, phát đại nguyện đến bốn mươi tám điều mà nguyện nào cũng hóa độ chúng sanh, mong thâm tâm suốt trăm ngàn đời kiếp mà tâm nào cũng có thể làm Phật, khởi đầu từ ngày hôm nay cho đến cùng tận biên cương thì gian. Hết một đời này thì nguyện sanh Cực

lạc, lên chín phẩm xong thì trở lại Ta Bà. Mong sao mặt trời Phật pháp sáng lại, cửa ngõ Phật pháp mở nữa, để Tăng giới được trong lặng ở cõi này, dân chúng được tiếp hóa ngay nơi đây, vận hội nhờ đó mà kéo dài thêm nữa, Phật pháp vì vậy mà tồn tại lâu bền. Đó là ưu tư chân thành, tha thiết ấp ủ.

Đó là lý do thứ mười của sự phát Bồ Đề tâm.

Như vậy mười lý do đã biết, tám sắc thái đã rõ, thì khuynh hướng có lối, khai phát có chỗ. Chúng ta đã được thân thể nhân loại, ở chỗ văn hóa, giác quan kiện toàn, cơ thể thanh thoát, tín tâm đầy đủ đã có, ma chướng may mắn lại không. Huông chi còn được Xuất gia, được thọ Cụ túc giới, được gặp Đạo Tràng, được nghe Phật pháp, được chiêm bái Xá Lợi, được tu tập sám pháp, được hội ngộ thiện hữu, được hoàn cảnh tốt đẹp. Như vậy nếu ngày nay không phát tâm rộng lớn như trên, thì còn chờ đến ngày nào.

Cúi xin đại chúng thương cho thành tâm ngu muội của tôi, xét cho chí nguyện khổ sở của tôi, mà cùng lập nguyện ấy, cùng phát tâm này. Chưa phát thì nay phát, phát rồi thì tiến triển, tiến triển rồi thì liên tục. Đừng sợ khó mà khiếp hãi, lùi bước, đừng cho dễ mà khinh thường, hời hợt, đừng ham mau mà không lâu bền, đừng biếng nhác mà thiếu dũng tiến, đừng uể oải mà không phấn khởi, đừng chần chừ mà kỳ hẹn mãi, đừng vì trí tuệ thiếu thông minh mà nhất thiết không lưu ý, đừng vì trình độ thiếu lan lẹ mà tự khinh không có phần. Như trồng cây, trồng lâu thì rễ cạn ngày càng xuống sâu. Như mài dao, mài mãi thì dao钝 cũng

thành bén sắc. Không thể vì cạn mà không trồng, mặc cây khô héo, vì dui mà không mài, để dao vô dụng.

Lại nữa, nếu cho tu là khổ sở thì không biết nhắc lại còn khổ hơn. Tu thì khó nhọc tạm thời mà an vui vĩnh viễn, còn nhắc thì một đời thư thả nhưng lắm kiếp khổ đau. Huống chi lấy pháp môn Tịnh Độ làm thuyền tầu thì lo gì thoái chuyển, lấy tuệ giác vô sanh làm sức nhấn thì sợ gì khó khăn. Nên biết, tội nhân địa ngục mà còn phát Bồ Đề tâm từ kiếp trước, huống chi đã làm người, lại làm con Phật, mà không lập đại nguyện ngay trong đời này. Vô thì hôn mê, cái gì qua rồi đã không thể cản, thì ngày nay tỉnh ngộ, những cái sẽ đến còn có thể theo. Mê mà chưa tỉnh, cố nhiên đáng thương, biết mà không làm, mới càng đáng tiếc. Hễ sợ cái khổ địa ngục thì sự tinh tiến tự sinh, nhớ cái mau chết chóc thì tính biếng nhắc tự diệt. Điều cần thiết là lấy Phật pháp làm roi dục, lấy thiện hữu làm tay dắt, trong cơn vội vã cũng không tách rời, suốt cả một đời vẫn cố bám víu, thì không làm gì còn có sự thoái chuyển được nữa. Đừng nói chỉ nghĩ một thoáng là nhỏ nhẹ, đừng cho mới nguyện mà thôi là vô ích. Tâm chân thì sự thật, nguyện rộng thì hạnh sâu. Không gian đâu có lớn, Tâm vương mới lớn. Kim cương đâu có chắc, nguyện lực mới chắc. Đại chúng quả thật không bỏ lời tôi, thì bà con giác ngộ từ đây kết hợp, bạn hữu sen vàng từ đây kết giao, sở nguyện đồng sanh Tịnh Độ, đồng thấy Di Đà, đồng hóa chúng sanh, đồng thành Chánh Giác. Như vậy thì biết đâu ba hai tướng hảo và trăm phước trang nghiêm

sau này chẳng bắt đầu từ sự phát tâm lập nguyện trong ngày hôm nay. Nguyện cùng đại chúng chung nhau nỗ lực, như thế thật vô cùng may mắn.

PHỤ LỤC 1

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ "PHÁT BỒ ĐỀ TÂM"

Phát Bồ Đề tâm là căn bản của việc học Phật, nhưng Bồ Đề là gì, Bồ Đề tâm là thế nào, phát Bồ Đề tâm cách nào, cả ba câu hỏi ấy vẫn cần phải giải thích.

I. GIẢI THÍCH “BỒ ĐỀ”

1. DANH NGHĨA CỦA BỒ ĐỀ

Danh nghĩa của Bồ Đề tức là định nghĩa về chữ ấy. Bồ Đề là dịch âm Phạn ngữ Bodhi. Dịch ý chữ này, nhiều chỗ nói phái cũ dịch là Đạo, phái mới dịch là Giác. Nhưng cũ là ai, không thấy chỉ rõ, còn mới thì chính là Ngài Huyền Trang. Chữ đạo có hai nghĩa: nghĩa thông thường là đường, nghĩa suy diễn là đức lý (bản thể siêu việt). Bồ Đề mà dịch là đạo, là lấy cái nghĩa đức lý, và đức lý ấy chính là sở y của Bồ Đề sẽ nói ở nghĩa thứ 8.

Bồ Đề mà dịch là giác, là cái giác trong chữ giác ngộ. Tuy giác là nghĩa chính của Bồ Đề, nhưng không bao hàm được nghĩa đức lý, hướng

chi còn có thể lẫn lộn với cảm giác, tri giác, ác giác, là những cái giác trái với Bồ Đề. Tất cả cái giác này, đối với Bồ Đề, đích thị gọi là mê. Do đó, Bồ Đề là giác, nhưng là cái giác chống mê, hết mê, cái giác thuần chính mới là nghĩa chữ Bồ Đề.

Vì nghĩa của chữ Bồ Đề như trên đây nên Ngài La Thập đã dịch là Vô thượng trí tuệ - tuệ giác siêu việt (Trí Độ Luận cuốn 44), và Ngài Tăng Triệu cho biết không có chữ nào hơn để dịch, vì Bồ Đề là cái chân trí giác ngộ bản thể siêu việt một cách chính xác (Duy Ma Kinh Chú).

2. LOẠI BIỆT CỦA BỒ ĐỀ

Loại biệt của Bồ Đề là phân loại về tuệ giác ấy. Bồ Đề là giác, giác thì phải hết mê. Nên giác hiện hành thì mê phải tiêu diệt. Do đó mà phải là tuệ giác của liệt vị Thánh giả hết mê mới là Bồ Đề. Ngoài ra, không có tuệ giác của ai được gọi bằng danh hiệu ấy. Thánh giả hết mê có thể phân ra ba, nên Bồ Đề có ba loại khác nhau, đó là Thanh Văn Bồ Đề, Độc Giác Bồ Đề, Vô Thượng Bồ Đề.

3. TỰ TÁNH CỦA BỒ ĐỀ

Tự tánh, hay tự thể tướng, ở đây nghĩa là bản thân. Bản thân Bồ Đề, theo Tam thừa cộng pháp, tức là cả ba loại Bồ Đề, thì nó là vô lậu tuệ (tuệ này chính là tuệ tâm sở trong 5 tâm sở biệt cảnh); còn theo Đại Thừa bất cộng pháp, tức riêng Vô Thượng Bồ Đề, thì nó là 4 trí thanh tịnh.

Lấy 4 trí thanh tịnh làm Bồ Đề thì thật Tam Thừa Thánh giả chưa được gọi là Bồ Đề, vì lẽ Thanh Văn và Độc Giác chưa phải biến tri, còn

Bồ Tát chưa phải Vô Thượng, mà phải Vô Thượng chánh biến giác của Phật địa mới thật là Bồ Đề. Như vậy, nói Tam Thừa Bồ Đề chỉ là bình đẳng tướng, nói Vô Thượng Bồ Đề mới là thù thắng tướng. Thù thắng tướng có nghĩa viên mãn cả 4 trí, còn bình đẳng tướng có nghĩa chỉ được một phần của diệu quán sát trí trong 4 trí ấy. Lấy diệu quán sát trí mà nói Bồ Đề thì cả Tam Thừa đều được gọi là Bồ Đề, nhưng lấy cả 4 trí mà nói Bồ Đề thì chỉ Phật địa mới được gọi là Bồ Đề thôi. Lấy 4 trí làm Bồ Đề, nghĩa này Thiên Thai tôn gọi là "thật trí Bồ Đề".

Tuy nhiên, lấy 4 trí làm bản thân Bồ Đề chỉ là thuyết của Duy Thức. Ngoài thuyết này, Câu Xá Luận nói là 2 trí, Mật Giáo nói là 5 trí, đặc biệt và quan trọng, Trí Độ Luận nói là 3 trí.

4. TƯƠNG ƯNG CỦA BỒ ĐỀ

Tương ứng của Bồ Đề là nói về phụ thuộc của tuệ giác ấy. Như ai nấy đều biết, toàn bộ tâm thức chia ra ba hệ thống, là Đệ bát thức, Đệ thất thức và Tiền lục thức. Ba hệ thống của thức khi chuyển thành trí thì lại có 4 hệ thống gọi là 4 trí: Đại viên cảnh trí (đệ bát thức), Bình đẳng tánh trí (đệ thất thức), Diệu quán sát trí (đệ lục thức) và Thành sở tác trí (tiền ngũ thức). Nói tương ứng của Bồ Đề là nói Tâm vương tâm sở của 4 trí này.

Như trên đã nói, bản thân của 4 trí đích thị là vô lậu tuệ. Khi chuyển thức thành trí, thì vì đề cao trí nên dẫu vô lậu tuệ chỉ là tuệ tâm sở trong 5 tâm sở biệt cảnh, vẫn giáng thức xuống làm Tâm vương tương ứng với nó, đưa nó lên làm chủ và gọi là trí. Tâm vương tâm sở tương ứng với 4 trí, trí nào cũng có 21 thứ:

- Tâm vương: tức thức của nó; 1.
- Tâm sở: biệt cảnh; 4.
- Biến hành; 5.
- Thiện pháp; 11.

5. NĂNG SINH CỦA BỒ ĐỀ

Năng sinh là những cái có khả năng phát sinh, tức là duyên. Bồ Đề hiện hành là do tiêu diệt mê, vậy nó cũng là pháp duyên sinh. Duyên sinh Bồ Đề, như các pháp khác, cũng có 4 thứ:

- Nhân duyên: chủng tử của vô lậu tuệ (loại bản hữu).
- Tăng thượng duyên: thiện hữu (Phật, Bồ Tát, Sư Trưởng, đồng học) và Thánh Giáo (Phật pháp).
- Đẳng vô gián duyên: sự liên tục dẫn sinh vô lậu tuệ của hữu lậu thiện.
- Sở duyên duyên: cảnh Thánh đã quán tưởng và cảnh khổ đã thấy nghe.

Bốn duyên này chỉ là tổng mục. Chi tiết của duyên sinh Bồ Đề còn nhiều nữa, như Kinh Luận đã đề cập không ít.

6. SỞ ĐOẠN CỦA BỒ ĐỀ

Sở đoạn là những thứ bị tiêu diệt, gọi là chướng. Được Bồ Đề nghĩa là được Thánh quả. Do đó, dầu sự được Thánh quả của các vị hữu học vẫn có thể gọi là được Bồ Đề. Nên sơ quả sắp lên của Nhị Thừa, Sơ địa

sắp lên của Đại Thừa, đều do Bồ Đề tiêu diệt chướng của nó mà thực hiện. Chướng ấy là gì, và trí nào tiêu diệt chướng ấy?

- Ở Nhị Thừa, phiền não chướng là sở đoạn, Bồ Đề trí phần sinh không là năng đoạn.

- Ở Đại Thừa, Sơ địa thì lấy phần phân biệt của phiền não chướng và sở tri chướng làm sở đoạn, đến Phật địa thì lấy phần chủng tử của hai chướng ấy làm sở đoạn, còn năng đoạn là cả bốn trí của Bồ Đề (gồm cả 2 phần sinh không và pháp không).

Luận nói, Bồ Đề, Bồ Đề đoạn và Bồ Đề xứ đều gọi là Bồ Đề. Bồ Đề là tự tánh và tương ứng của nó (tức nghĩa thứ 3 và nghĩa thứ 4 ở trên). Bồ Đề đoạn là sở đoạn của nó (tức nghĩa thứ 6 ở đây). Bồ Đề xứ là sở duyên của nó (tức nghĩa thứ 7 ở sau).

Khi hai chướng đã đoạn, có nghĩa đã đoạn hoặc: hoặc đoạn thì nghiệp không còn, và khổ (tức sanh tử luân hồi) cũng chấm dứt.

7. SỞ DUYÊN CỦA BỒ ĐỀ

Sở duyên là những đối tượng bị biết, gọi là cảnh. Như đã nói, 4 trí Bồ Đề tương ứng với tất cả Tâm vương tâm sở vậy, vậy hết thảy đối tượng của Tâm vương tâm sở đều là sở duyên của Bồ Đề, có nghĩa Bồ Đề không pháp nào không biết. Bồ Đề lại còn tự biết tự tánh (bản thân) của nó, vì nó là pháp vô lậu. Như vậy, Tâm vương tâm sở thuần tính chất vô lậu của các đấng Vô Thượng chánh biến tri có khả năng giác ngộ tất cả, có nghĩa tất cả các pháp đều là đối tượng của bốn trí Bồ Đề. Tuy nhiên,

vẫn có một chút khác biệt trong đó, là thành sở tác trí chỉ duyên tục không duyên chân, còn bốn trí khác thì tự tha đều biết, chân tục đều ngộ. Do đó mà trí của Phật đã biến tri cảnh giới của mình, lại biến tri cảnh giới chúng sanh, cả đến chân như cũng là sở duyên của vô phân biệt trí của Phật.

8. SỞ Y CỦA BỒ ĐỀ

Sở y là chỗ y cứ, tức bản thể. Bồ Đề là pháp do duyên sinh thì cũng là pháp do duyên diệt, có nghĩa Bồ Đề sinh diệt ngay trong từng sát na. Nhưng, Bồ Đề sinh diệt mà vẫn liên tục là nhờ thân chứng chân như, tức bản thể bất sinh diệt. Bồ Đề lại không một sát na nào không tương ưng với chân như, nên Bồ Đề luôn luôn hiện hành.

Bản thể chân như mà Bồ Đề y cứ này, Thiên Thai tôn gọi là "chân tánh Bồ Đề".

9. SỞ KHỞI CỦA BỒ ĐỀ

Sở khởi là những cái được phát khởi ra. Những cái Bồ Đề phát khởi chính là những gì Phật địa phát hiện. Những cái ấy là thân độ (cơ thể và vũ trụ) của Phật địa. Thân độ này gồm có tự thọ dụng (đồng đẳng pháp giới), tha thọ dụng (cho thập địa Bồ Tát) và thắng ứng hóa (cho các Thánh giả khác), liệt ứng hóa (cho cả phàm Thánh). Thứ 1 là thù thắng tướng của Đại Thừa, thứ 2, 3 và 4 là bình đẳng tướng, quán thông nhân quả, Đại Thừa và Tiểu Thừa.

10. SỞ TÁC CỦA BỒ ĐỀ

Sở tác nghĩa là việc làm. Việc Bồ Đề làm chính là việc làm của Phật mà Kinh Pháp Hoa đã nói là khai thị tuệ giác của Phật cho chúng sanh ngộ nhập. Vì việc làm này, Phật hiện làm đến cả rừng ao (Kinh Địa Tạng), tô tô (Luận Khởi Tín). Như vậy, chúng sanh mà đoạn chướng chướng quả, tất cả đều do năng lực phương tiện xuất từ nguyện lực đại bi của Phật đều là năng lực của Bồ Đề.

Nghĩa này cùng nghĩa thứ 9 ở trên, Thiên Thai tôn gọi là "phương tiện Bồ Đề".

II. GIẢI THÍCH “ BỒ ĐỀ TÂM ”

Trong nghĩa loại biệt (thứ 2) đã nói Tam Thừa đều là Bồ Đề, nhưng ở đây chỉ căn cứ Vô Thượng Bồ Đề mà giải thích về Bồ Đề tâm.

1. BỒ ĐỀ TÂM NGHĨA LÀ TÂM CẦU BỒ ĐỀ

Tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề gọi là Bồ Đề tâm, tâm ấy là thệ nguyện, tức dục tâm sở trong 5 tâm sở biệt cảnh. Dục tâm sở không cầu Bồ Đề của Thanh Văn, Độc Giác và Bồ Tát, mà chỉ cầu Vô Thượng Bồ Đề, nên gọi là Bồ Đề tâm. Và như vậy, chữ phát trong từ ngữ phát Bồ Đề tâm có nghĩa là lập: lập cái chí nguyện mong cầu Vô Thượng Bồ Đề, gọi là phát Bồ Đề tâm. Đó là cái nghĩa đầu tiên và quan trọng nhất về sự phát Bồ Đề tâm của người học Phật.

2. TÂM CÓ BỒ ĐỀ GỌI LÀ BỒ ĐỀ TÂM

Tâm có Bồ Đề gọi là Bồ Đề tâm, thì tâm ấy chỉ cho tất cả Tâm vương tâm sở tương ứng với Bồ Đề. Tất cả tâm này có cái tuệ giác Bồ Đề nên gọi là Bồ Đề tâm.

3. BỒ ĐỀ LÀ TÂM GỌI LÀ BỒ ĐỀ TÂM

Bồ Đề là tâm gọi là Bồ Đề tâm, nghĩa này có ba:

Thứ nhất, tâm chỉ cho tất cả Tâm vương tâm sở tương ứng với Bồ Đề, Bồ Đề chỉ cho tuệ tâm sở: trong tất cả 4 hệ thống Tâm vương tâm sở của 4 trí, hệ thống nào cũng có tuệ tâm sở nên hệ thống nào cũng gọi là Bồ Đề tâm.

Thứ hai, tâm vẫn chỉ cho tất cả Tâm vương tâm sở, Bồ Đề vẫn chỉ cho tuệ tâm sở: tuệ tâm sở cũng là tâm nên gọi là Bồ Đề tâm. Như một người cũng là người nên nói một người cũng là nói về loài người. Nghĩa này không đáng quan tâm.

Thứ ba, tâm vẫn chỉ cho tất cả Tâm vương tâm sở, Bồ Đề chỉ cho năng duyên, đặc tính của Tâm vương tâm sở. Đặc tính này chính là cái mà ta gọi là linh giác: Tâm vương tâm sở có linh giác Bồ Đề nên gọi là Bồ Đề tâm.

III. GIẢI THÍCH BỒ ĐỀ TÂM

Chữ phát có nhiều nghĩa: phát sinh, phát khởi, phát hiện, phát triển, phát minh. Làm thế nào để phát khởi cái chí nguyện mong cầu Vô Thượng Bồ Đề? Lại làm sao để phát sinh cho đến phát minh tuệ giác Bồ

Đề? Nói chung, làm cách nào để phát Bồ Đề tâm? Dưới đây giải thích về 5 cách ấy.

1. TỰ TÁNH PHÁT

Tự tánh phát là bản thân Bồ Đề tự phát. Cách này có hai:

- Thứ nhất, bản thân ấy là đặc tính linh giác (năng duyên) của hết thảy Tâm vương tâm sở. Linh giác tự phát triển thì sẽ thành toàn giác, gọi là tự tánh phát Bồ Đề tâm. Điều đáng nói, đặc tính Tâm vương tâm sở là linh giác (năng duyên), nên khi còn phiền não thì đặc tính ấy cũng vẫn y nguyên, nhưng phiền não chỉ là hiện tượng thác loạn, như bệnh cũng là của cơ thể, nhưng chỉ là thứ hiện tượng thất thường. Do đó mà linh giác Bồ Đề của tâm không phát triển thì tâm không bao giờ ổn định được.

- Thứ hai, bản thân ấy là chủng tử vô lậu (loại bản hữu) của tất cả Tâm vương tâm sở. Tất cả Tâm vương tâm sở vô lậu gọi là Bồ Đề, chủng tử vô lậu phát khởi hiện hành vô lậu, gọi là tự tánh phát Bồ Đề tâm.

2. TƯ TRỢ PHÁT

Tư trợ nghĩa là hỗ trợ. Tự tánh Bồ Đề mà tự phát được là nhờ sự hỗ trợ. Sự hỗ trợ này có 2:

- Thứ nhất là thiện hữu, là sự giáo hóa của chư Phật và Bồ Tát.

- Thứ hai là Thánh giáo, là sự huân tập của giáo lý trong ba tạng.

Cả 2 yếu tố này hỗ trợ cho sự phát Bồ Đề tâm nên gọi là tư trợ phát.

3. THIỆN CĂN PHÁT

Các thiện căn được thiện hữu giáo hóa và Thánh giáo huân tập mà phát sinh và phát triển, các thiện căn ấy tác động và hỗ trợ cho thiện tuệ thành vô lậu tuệ, vô lậu tuệ thành Vô Thượng Bồ Đề: đó là thiện căn phát Bồ Đề tâm.

4. ĐẲNG LƯU PHÁT

Đẳng lưu nghĩa là bản thân tự liên tục phát triển. Bản thân Bồ Đề là vô lậu tuệ. Vô lậu tuệ do hữu lậu tuệ dẫn ra, nghĩa là chính bản thân vô lậu tuệ tự phát triển từ hữu lậu đến vô lậu, phát triển cho đến thành Vô Thượng Bồ Đề thì gọi là đẳng lưu phát.

5. ĐOẠN - CHỨNG PHÁT

Là phát Bồ Đề tâm bởi sự đoạn chướng chướng chân. Trải qua các địa vị tu chứng, hễ đoạn chướng chướng chân bao nhiêu, thì vô lậu hiện hành, nghĩa là Bồ Đề phát hiện bấy nhiêu. Do đó, sự đoạn - chứng phát là Sơ địa thì phát hiện, các địa thì phát triển, cho đến Phật địa thì cứu cánh đoạn - chứng nên thành cứu cánh phát Bồ Đề tâm.

PHỤ LỤC 2

TIỂU TRUYỆN NGÀI THẬT HIỀN (1685- 1734)

Đại Sư hý Thật Hiền, tự Tư Tề, hiệu Tĩnh Am, con nhà họ Thờ, đất Thường Thục. Vốn dòng Nho Giáo. Sinh ra (1685) là đã không ăn

mặn, tóc chớm là có chí xuất trần. Cha mất sớm. Mẹ là Trương Thị, biết Đại Sư có túc căn nên cho làm con Phật.

Lên 7, lay Ngài Dung Tuyền ở Am Thanh Lương làm Bồ Sư. Thông minh dị thường, Kinh Điển qua mắt là nhớ kỹ.

Năm 15 tuổi thể phát, thông suốt cả sách vở thế gian, lại hay thơ và giỏi cách viết.

Tiền bối có nhiều người kết giao làm bạn, nhưng không khoảnh khắc nào Đại Sư không nhớ sinh tử là đại sự.

Tính chí hiếu. Mẹ mất, quỳ trước Phật tụng Kinh Báo Ân đến 7 thất. Hằng năm gặp ngày Vu lan lại thiết cúng.

Một hôm đến Chùa Phổ Nhân, thấy một vị Tăng ngã xuống đất, Đại Sư thâm thía cái lẽ vô thường nên càng tinh tấn. Năm 24, thọ Cụ túc giới tại Chiêu Khánh, nghiêm tập Giới luật, không rời y bát, ngày ăn một bữa, thường không ngủ nghỉ.

Năm Canh Dần (1710) y chỉ Cù Thành Pháp Sư nghe giảng Pháp Hoa, yết kiến Thiệu Đàm Pháp Sư học tập Duy Thức, Lăng Nghiêm, Chỉ Quán. Nghiên cứu ngày đêm, chưa hết 3 Hạ mà tôn chỉ của Quán và Thừa, học thuyết về Tánh và Tướng thông suốt tất cả. Thiệu Đàm Pháp Sư liền thọ ký làm thế hệ thứ bốn của Ngài Linh Phong thuộc Thiên Thai chính tôn.

Năm Giáp Ngọ (1714) yết kiến Linh Thứu Hòa Thượng tại Sùng Phước, tham Thiền với công án “ai niệm Phật.” Tham cứu nghiêm mật, đến nỗi tháng tư năm ấy đã hoảng nhiên đốn ngộ “ta tỉnh mộng rồi.”

Từ đó ứng cơ vô ngại, biện tài vô cùng. Linh Thứu Hòa Thượng muốn phú y bát cho, Đại Sư từ mà đi, cắm túc ở Chùa Chân Tịch, ngày đọc Tam Tạng Kinh Điển, đêm niệm danh hiệu Di Đà. Ba năm hết kỳ hạn, chúng trong Chùa thỉnh giảng Pháp Hoa, Đại Sư giảng như sông tuôn suối trào.

Đầu xuân năm Mậu Tuất (1718) Đại Sư ở Chùa Long Hưng thuộc Hàng Châu, Thiệu Đàm Pháp Sư bảo giảng Kinh, Luật thay cho mình và ca tụng hết sức.

Mùa xuân năm Kỷ Hợi (1719) đến Tứ Minh, núi A Dục, chiêm bái Xá Lợi, trước sau đốt năm ngón tay cúng dường Phật. Mỗi năm đến ngày Phật Niết Bàn, Đại Sư giảng hai Kinh Di Giáo và Di Đà, khai thị cái nghĩa tâm này là Phật. Mười năm như vậy, pháp hóa khắp cả mọi nơi. Đại Sư lại nhận lời thỉnh mời của các Thiền Tịch Vĩnh Phước, Phổ Khánh và Hải Vân. Đến đâu thì sinh hoạt ở đó mới, qui cũ ở đó nghiêm.

Nhưng không bao lâu, Đại Sư lại thoái ẩn ở Chùa Tiên Lâm thuộc Hàng Châu, không ra khỏi cửa, nỗ lực tu tập Tịnh Độ. Mùa Đông năm Kỷ Dậu (1729) Tăng đồ tín đồ Hàng Châu thỉnh Ngài chủ trì Chùa Phạm Thiên, núi Phụng Sơn. Đại Sư liền tuyệt hết mọi việc, chỉ nêu Tịnh Độ, hạn định trường kỳ, nghiêm lập qui ước, suốt ngày đêm dục nhau nỗ lực, nên ai cũng cho Đại Sư là Ngài Vĩnh Minh tái sinh.

Trước sau Đại Sư làm chủ các Chùa hơn mười năm, đệ tử đếm vài trăm. Ai học thi văn thì Đại Sư thống trách, “mạng người chỉ trong hơi thở ra vào, đâu có rảnh mà học tập văn tự thế gian; sơ sẩy một chút là đã qua kiếp khác, muốn được giải thoát là vô cùng khó khăn.”

Năm Quý Sửu (1733) ngày Phật thành đạo Đại Sư bảo đệ tử, 14 tháng 4 sang năm ta đi luôn rồi đó. Từ đó Đại Sư đóng cửa niệm Phật, tự hạn mười vạn tiếng trong mỗi ngày đêm.

Qua năm Giáp Dần (1734) mồng hai tháng tư, Đại Sư mở cửa, ngày 12 bảo đại chúng: 10 ngày trước đây ta thấy Tây Phương Tam Thánh, nay lại thấy nữa thì ta sẽ sinh Tịnh Độ. Rồi dặn dò công việc Tự Viện, từ biệt và khuyến khích mọi người, và bảo: ngày mười bốn tôi nhất định Vãng Sanh, vậy các người tập hợp niệm Phật giúp tôi. Ngày 13 bỏ ăn uống, khép mắt ngồi yên. Canh năm tám rửa, thay đồ, quay mặt về hướng Tây mà ngồi. Giờ Tỵ mọi người vân tập, gạt lệ, lay mà thưa, xin Đại Sư ở lại hóa độ cho người. Đại Sư lại mở mắt, bảo ta đi là trở lại liền; sanh tử là việc lớn, ai nấy hãy tự tịnh tâm mà niệm Phật. Nói rồi, chấp tay niệm danh hiệu của Phật mà Tịch. Giây lát, chỉ lỗ mũi hơi xóp, còn nhan sắc tươi mãi, khi liệt cũng không biến. Linh cốt của Đại Sư ban đầu để ở Tháp xây phía Tây đồi Phát Thủy của sông Cầm Xuyên, Càn Long thứ 7 (1742) rằm tháng hai, ngày Phật Niết Bàn, lại dời về Tháp mới, xây ở phía hữu Chùa A Dục. Tháp cũ thì tàng y bát của Đại Sư.

Đại Sư sinh ngày 8 tháng 8 năm Khang Hy 24 (1685), 49 tuổi, trong đó có 25 tuổi hạ.

Tác phẩm gồm có:

- **Tĩnh Độ thi 108 bài.**
- **Chú Tây Phương phát nguyện văn.**
- **Tục Vãng Sinh truyện.**
- **Đông Hải ngược giải.**
- **Xá Lợi Sám và Niết Bàn Sám, tất cả đều lưu hành nhân gian.**

Đồng học là Luật nhiên, thuật vào ngày trùng dương năm Ất Sửu (1745).

PHỤ LỤC ĐẶC BIỆT

MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM

Mười điều tâm niệm sau đây, lúc trước tôi dịch từ sự trích lục của 1 bộ sách đã học, tuồng như Nhị Khóa Hiệp Giải thì phải. Nay thì tìm ra nguyên văn chính, nằm trong Đại tạng tập 47/373 - 374, tên sách là Bảo Vương Tam Muội Niệm Phật Trục Chi, của ngài Diệu Hiệp, một tác phẩm mà Ngài Vân Thê muốn nhưng chưa thấy được (Chính 47/354). Mười điều tâm niệm được mở đầu bằng những lời sau đây.

Tâm tánh bình đẳng, bản thể nguyên vẹn. Do đó mà chúng sinh tuy bị ràng buộc trong nghiệp thức, nhưng không ai lại không có cái chí xuất trần. Thế nhưng muốn tham cứu đạo lý thì ma chướng đã hiện ra, một việc phiền lòng là vạn điều thiện mất cả, thành công thì nhỏ mà thất bại quá lớn, nên người đắc đạo quả thật quá ít. Huống chi vật dục đua nhau khuynh loát tâm trí, sống chết giành nhau đánh đổ sinh mạng, khiến ai cũng như ai. Làm cho cái Pháp mà Phật đã trải qua 3 vô số kiếp, hy sinh vô số đầu mắt tủy não, quốc thành thê tử, thân thịt tay chân, giữ giới, nhẫn nhục, tinh tiến, phụng sự thiện hữu, không tiếc tính mạng trong việc tu tập các nhân tố của tuệ giác Bồ Đề mới thực hiện được, cái Pháp ấy nhất đán đến ta, gặp trở ngại mà thoái chí là mất tất cả, thật đáng thống hận. Nay ta đã làm con Phật, không nỗ lực phấn đấu, ngồi mà nhìn con mắt tuệ giác của pháp giới chúng sinh mù mắt, thì thật đau lòng còn hơn cắt da xả thịt. Do đó mà tôi y cứ Kinh Điền, lập ra "10 hạnh trở ngại to lớn", mệnh danh là "10 hạnh không cầu". Tình đời dẫu chẳng ai muốn trở ngại, nhưng cố gắng chấp nhận thì những trở ngại ấy hiện ra, thân tâm ta nhờ đã nung luyện trước trong đó, nên các thứ ma, mọi thứ ác, hết thảy trở ngại không thể khuynh đảo hay cản trở ta được nữa. Như vàng ở trong lò lửa, lửa nung vàng, nhưng vàng lại nhờ đó mà thành vật dụng...

Xin nói về 10 hạnh ấy:

Thứ nhất, nghĩ đến thân thể thì đừng cầu không bệnh tật, vì không bệnh tật thì dục vọng dễ sinh.

Thứ hai, ở đời đừng cầu không khó khăn, vì không khó khăn thì kiêu xa nổi dậy.

Thứ ba, cứu xét tâm tánh thì đừng cầu không khúc mắc, vì không khúc mắc thì sở học không thấu triệt.

Thứ tư, sự nghiệp đừng cầu không bị trở ngại, vì không bị trở ngại thì chí nguyện không kiên cường.

Thứ năm, việc làm đừng mong dễ thành, vì việc dễ thành thì lòng thị thường, kiêu ngạo.

Thứ sáu, giao tiếp đừng cầu lợi mình, vì lợi mình thì mất đạo nghĩa.

Thứ bảy, với người thì đừng mong tất cả đều thuận theo ý mình, vì được thuận theo ý mình thì lòng tất tỵ kiêu.

Thứ tám, thi ân thì đừng cầu đền đáp, vì cầu đền đáp là thi ân mà ý có mưu đồ.

Thứ chín, thấy lợi thì đừng nhúng vào, vì nhúng vào thì hắc ám tâm trí.

Thứ mười, oan ức không cần biện bạch, vì làm như vậy là hèn nhác mà oán thù càng tăng thêm.

Bởi vậy, Phật Đà thiết lập chánh pháp lấy bệnh khổ làm thuốc thần, lấy hoạn nạn làm thành công, lấy gai góc làm giải thoát, lấy ma quân làm đạo bạn, lấy khó khăn làm sự tác thành, lấy bạn tệ bạc làm người giúp đỡ,

lấy kẻ chống nghịch làm người giao du, coi thi ân như đôi dép bỏ, lấy sự xấu làm vinh hoa, lấy oan ức làm đà tiến thủ. Do đó, ở trong trở ngại mà vượt qua tất cả, ngược lại, cầu dễ dàng thì bị khúc mắc. Đức Thế Tôn được giác ngộ ngay trong mọi sự trở ngại. Ương Quật hành hung, Đề Bà quấy phá, mà Ngài giáo hóa cho thành đạo cả. Như vậy há không phải chính sự chống đối lại làm sự thuận lợi, và sự phá hoại lại làm sự tác thành, hay sao?

Ngày nay, những người học đạo, trước hết không dẫn mình vào trong mọi sự trở ngại, nên khi trở ngại ập đến thì không thể ứng phó. Chánh pháp chí thượng vì vậy mất hết, đáng tiếc đáng hận biết ngần nào?